

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 12/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Lý

Ông Trịnh Quý Nam

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phạm T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 03/7/1983; tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Đình D (đã chết); Con bà Hà Thị K sinh năm 1957, nghề nghiệp: Trồng trọt; Vợ: Phan Thanh N sinh năm 1985, nghề nghiệp: Lao động tự do; Có 01 con sinh năm 2013; Cùng trú tại: thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ cả; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2005, bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích).

Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 đến nay, có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phạm T: Bà Lý Thị N1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (bào chữa theo quy định của pháp luật), có mặt.

-Người làm chứng:

1. Lò Văn L, sinh năm 1991, trú tại: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.
2. Lò Văn C, sinh năm 1991, trú tại: Bản P xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.
3. Lò Thị T1, sinh năm 1993, Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào hồi 06 giờ 30 phút ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại B khu vực cửa khẩu T8, thuộc xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu T8 phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C và Công an thị trấn T bắt quả tang Nguyễn Phạm T đang điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA màu nâu, đen, biển kiểm soát 22S1-063.72 chở theo hai người đàn ông nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam. (gồm Lò Văn L sinh năm 1991, trú tại bản Nà Xa, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu và Lò Văn C sinh năm 1991, trú tại bản Phường, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu). Ngoài ra, còn phát hiện tại phòng trọ của T một người phụ nữ là Lò Thị T1 sinh năm 1993, trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Cả ba người đều không có giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định. Cơ quan điều tra tạm giữ của T: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA màu nâu, đen, có biển kiểm soát 22S1-063.72; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, trong điện thoại có sim điện thoại số 0912 688 611 và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) trong túi quần bên phải phía trước của T.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, thông qua ứng dụng WeChat, Nguyễn Thị D1 (sinh năm 1991 trú tại: thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là chị dâu của T) nói với T là D1 đang ở Trung Quốc, khu vực giáp với thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, D1 rủ T đến thị trấn T để đón người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam và đưa ra bến xe khách tỉnh Cao Bằng, mỗi lần thực hiện thành công T sẽ nhận được tiền công ít nhất là 800.000 đồng/01 người, ngoài ra T có thể thu thêm tiền công đưa người ra bến xe khách thành phố C khoảng 200 nhân dân tệ/01 người, D1 yêu cầu T phải đến thị trấn T bằng xe máy để có phương tiện đưa đón người nhập cảnh trái phép, khi đến nơi thì thuê một phòng trọ để ở và để người nhập cảnh trái phép ẩn nấp khi cần, T đồng ý. Sáng ngày 12 tháng 8 năm 2023, T sử dụng xe máy biển kiểm soát 22S1-063.72 đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng và thuê nhà trọ của bà Đàm Thị T2 sinh năm 1963, ở xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng để ở. Theo hướng dẫn của D1, T lên khu vực mốc 738,

739 để tìm địa điểm có thể cho người nhập cảnh trái phép chui qua hàng rào biên giới, khi trao đổi D1 báo T kết bạn qua WeChat với một người tài khoản WeChat là “P” và một người gọi là “A S” tài khoản WeChat chữ Trung Quốc, T biết hai người này là đầu mối giao người nhập cảnh trái phép, qua trao đổi A S thỏa thuận với T nếu đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam thành công T sẽ nhận được 1.000.000 đồng/01 người, có thể đưa ra đến bến xe khách tỉnh Cao Bằng thì sẽ nhận thêm khoảng 1.500.000 đồng/01 người. Sau khi thống nhất T đã thực hiện 06 (sáu) lần đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: vào ngày 16 tháng 8 năm 2023, A S thông báo cho T đón 04 (bốn) người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sáng hôm sau D1 gọi qua Wet chat 04 (bốn) người này sẽ nhập cảnh trái phép qua khu vực mốc 738, đồng thời D1 gửi video ghi hình gồm 02 (hai) nam, 02 (hai) nữ cho T để nhận diện, T điều khiển xe máy đi đón người và để ở ven đường rồi đi bộ đến hàng rào biên giới thuộc khu vực mốc 738. Khi đến nơi T thấy những người này đang đợi, T dẫn đường đưa họ đi bộ đến nơi để xe máy. Sau đó, T đưa 02 (hai) người về phòng trọ trước rồi tiếp tục quay lại đón 02 (hai) người nữa, xong việc T gọi xe taxi đưa những người này ra thành phố C, lần này T nhận được số tiền 6.680.000 đồng từ tài khoản DUONG VAN BIEN gửi vào tài khoản ngân hàng A số 8101111196666 của T, sau khi trừ đi số tiền trả tiền xe taxi là 450.000 đồng, thì T được hưởng lợi 6.230.000 đồng.

Lần thứ hai: khoảng 05 giờ 30 phút ngày 18 tháng 8 năm 2023, D1 báo cho T biết có 03 (ba) người nhập cảnh trái phép, tiền công đưa mỗi người ra đến bến xe khách là 800.000 đồng, tổng cộng là 2.400.000 đồng, T sử dụng xe máy đưa những người này về phòng trọ. Sau đó, T dùng xe máy chở 02 (hai) chuyến, chuyến thứ nhất chở 02 (hai) người, chuyến thứ hai chở 01 (một) người ra bến xe khách tỉnh Cao Bằng, trước khi đi, T yêu cầu những người này trả thêm cho T 200 CNY (nhân dân tệ) /01 người. Sau khi đưa ra bến xe khách tỉnh Cao Bằng trót lọt, T nhận được tiền mặt trực tiếp từ những người nhập cảnh trái phép 2.400.000 đồng và 600CNY, khi quy đổi ra tiền Ngân hàng N2 được 1.920.000 đồng. Tổng số tiền T nhận được là 4.320.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 18 giờ cùng ngày, D1 tiếp tục thông báo cho T có 01 (một) người phụ nữ nhập cảnh trái phép để T đi đón và đưa đến đầu cầu cứng ở trung tâm thị trấn T. Sau đó, có một người đi xe ôm tên T3 (không rõ địa chỉ) đến đón người này và đưa ra thành phố C, lần này T nhận được số tiền 1.670.000 đồng từ tài khoản LO VAN PHU chuyển vào tài khoản ngân hàng của T.

Lần thứ tư: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 1 /8/2023, T đón được 04 (bốn) người Việt Nam nhập cảnh trái phép và dẫn ra cây xăng thị trấn T. Tại đây T bảo một người lái xe ôm (không biết tên) chở 02 (hai) người ra bến xe khách tỉnh Cao Bằng, tiền công do hai bên tự thỏa thuận. Còn 02 (hai) người T sử dụng xe máy đưa họ đến bến xe khách tỉnh Cao Bằng. Sau đó, T nhận được tiền công là 600.000 đồng từ tài khoản DUONG VAN BIEN.

Lần thứ năm: Sáng ngày 23 tháng 8 năm 2023, T đón được 02 người Việt Nam (01 nam, 01 nữ) nhập cảnh trái phép và đưa ra bến xe khách tỉnh Cao Bằng, T thu thêm của khách 400CNY, quy đổi được 1.280.000 đồng, sau đó T còn nhận được số tiền 3.300.000 đồng từ tài khoản ngân hàng L2. Tổng số tiền T nhận được lần này là 4.580.000 đồng.

Lần thứ sáu: Đến khoảng 05 giờ ngày 25 tháng 8 năm 2023, D1 bảo T đến khu vực biên giới T đón 03 (ba) người Việt Nam nhập cảnh trái phép, T nhờ một người đàn ông (không biết tên, địa chỉ) vừa đi bốc vác hàng hóa ở biên giới về chở 01 người phụ nữ về phòng trọ của T trước, còn T đang đưa 02 (hai) người đàn ông đi sau thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Lần này T chưa nhận được tiền công như thỏa thuận.

Ngoài ra, vào trưa ngày 24/8/2023, A S liên lạc với T đón 02 (hai) người ở thị trấn T để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. T gửi số điện thoại của mình cho A S để A S gửi cho người lái xe khi đưa người đến thị trấn thì gọi điện T ra đón. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T nhận được điện thoại của người lái xe và ra đón người tại đầu cầu cứng trên đường vào cửa khẩu T8, sau đó T đưa đến khu vực mốc biên giới 738 và để xe máy bên đường rồi dẫn đưa 02 (hai) người đi bộ để vượt biên trái phép sang Trung Quốc, T bảo họ chui qua hàng rào sẽ có người đến đón, T còn sử dụng điện thoại di động để quay phim lại và đi về nơi trọ, lần này T nhận được tiền công là 3.340.000 đồng từ tài khoản NONG VAN KIEN.

Hành vi của Nguyễn Phạm T đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSCB-P1 ngày 25 tháng 01 năm 2024 đã truy tố Nguyễn Phạm T ra trước Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng để xét xử về “Tội tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự và “Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Phạm T về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự và tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội.

Bị cáo thành khẩn khai nhận tội, và nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính cho nhà nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; do đó Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phạm T phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo điểm b khoản 2 Điều 348 BLHS và tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 BLHS. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348; khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm T từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”, xử phạt từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội bị cáo phải chấp hành từ 6 năm đến 7 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

+ Số tiền Ngân hàng N2 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn) thu giữ của bị cáo, xác định đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên nộp NSNN; Số tiền 5.000.000đ gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục THADS tỉnh C là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp NSNN.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, A 74 của Nguyễn Phạm T, kèm 01 sim điện thoại thu giữ của bị cáo, xác định đây là điện thoại bị cáo dùng để liên lạc nên cần tịch thu phát mại nộp NSNN.

+ Số tiền còn lại 20.740.000đ cũng là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu để nộp vào NSNN.

Về án phí: Bị cáo là người sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phạm T trình bày luận cứ:

Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo sinh sống ở khu vực biên giới, điều kiện kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; Hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị bệnh hiểm nghèo (Ung thư vú); các con còn nhỏ, gia đình thuộc hộ nghèo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm T mức thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị và không áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo, Về xử lý vật chứng: Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Về án phí: đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Phạm T không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong phần tranh luận đối đáp, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, nhất trí với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý về tội danh, mức hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí. Quan điểm của Viện kiểm sát và người bào chữa không có mâu thuẫn nên Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm. Về phần hình phạt do Hội đồng xét xử xem xét, quyết định;

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và mong giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Phạm T tại Cơ quan An ninh điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận:

Vào hồi 6 giờ 30 phút ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại khu vực cửa khẩu T8, thuộc xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu T8 phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C bắt quả tang Nguyễn Phạm T đang điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA màu nâu, đen, biển kiểm soát 22S1-063.72 chở 02 người Việt Nam nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam, khi kiểm tra còn có 01 người phụ nữ đang ở nơi trọ của T. Quá trình điều tra xác định được từ ngày 17 đến ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại khu vực thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, thông qua Nguyễn Thị D1 đang sinh sống ở Trung Quốc, Nguyễn Phạm T đã thực hiện trót lọt 05 (năm) lần tổ chức cho 17 người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và 01 (một) lần tổ chức đưa 02 người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tổng số tiền T hưởng lợi từ hành vi phạm tội là 26.740.000 đồng (*hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự và tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

“Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép.

1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

b) Phạm tội từ 02 lần trở lên; ...”

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2005 bị TAND huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích);

- Về tình tiết tăng nặng: Không có

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là hộ nghèo sống ở vùng có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Vợ mắc bệnh hiểm nghèo, các con còn nhỏ; Số tiền 1.000.000đ bị cáo bị thu giữ và vợ bị cáo đã nộp thêm 5.000.000đ tại Cục THADS tỉnh C để khắc phục một phần hậu quả nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện tội phạm nên tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước; Số tiền 1.000.000đ bị cáo bị tạm giữ tại Cục THADS tỉnh C là tiền do phạm tội mà có và số tiền 5.000.000đ vợ bị cáo nộp bổ sung tại Cục THADS tỉnh là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Số tiền 20.740.000đ là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu để nộp vào NSNN.

[6] Ý kiến của người bào chữa về tội danh, về xử lý vật chứng, về án phí là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Về phần hình phạt, quan điểm của người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát không có căn cứ chấp nhận vì bị cáo phạm hai tội và đón người nhập cảnh nhiều lần (17 người) nên mức hình phạt phải cao hơn là có căn cứ.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, về hướng xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, đề nghị của Viện kiểm sát xử phạt bị cáo mức án từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù là nhẹ vì bị cáo đã tổ chức 05 lần nhập cảnh với số lượng 17 người, do đó Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo mức án cao hơn so với mức án Viện kiểm sát đề nghị.

[8] Các nhận định khác:

Đối với Nguyễn Thị D1 đã thuê T thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra D1 không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm người đối với Nguyễn Thị D1.

Đối với A S (tài khoản ID Wechat là Sancbls11), P (còn gọi là P hải quan), Ngô Thị H (mẹ D1), ngoài lời khai của T ra, Cơ quan điều tra không thu thập được thêm tài liệu nào khác. Nếu sau này có căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với chủ thuê bao 0389.071.598 là Hoàng Văn H1, nơi thường trú: N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng) và chủ thuê báo 0963941.755 là Hoàng Văn

T4 thường trú: xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng) và ông Trần Ngọc T5 địa chỉ: T, Đ, Hà Tĩnh) sử dụng số điện thoại 0383.235.613 để liên lạc. Tuy nhiên cả ba người này đều khai nhận không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với người tên H2 lấy chồng Trung Quốc, đã tổ chức cho Lò Văn L, Lò Thị T1, Lò Văn C nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; người đàn ông tên L1 (bạn D1) tổ chức cho 03 người này nhập cảnh trái phép và người lái xe taxi, xe ôm đã chở những người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép trong những lần phạm tội trốn lậu, quá trình xác minh không đủ thông tin để xác định danh tính những người này để phục vụ cho việc điều tra mở rộng.

Đối với bà Đàm Thị T2, chủ nhà trọ T thuê để đưa những người nhập cảnh trái phép về ẩn nấp, quá trình điều tra xác định bà T2 không liên quan đến hành vi phạm tội của T, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với các đối tượng nhập cảnh trái phép gồm Lò Văn L, Lò Thị T1, Lò Văn C, xác định 03 công dân này trước đó chưa có hành vi vi phạm về xuất cảnh, nhập cảnh, Cơ quan điều tra đã thông báo cho chính quyền địa phương để giáo dục, nhắc nhở không tái phạm.

Đối với Tài khoản ngân hàng S1 số 700029496409 chủ tài khoản là Đường Văn B sinh ngày 26/02/1999, trú tại: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Kết quả ủy thác điều tra xác định tại địa chỉ trên không có công dân nào tên Đường Văn B, khi tra cứu qua sổ căn cước công dân thì có thông tin tên Trần Văn T6 sinh ngày 26/02/1999, nơi thường trú: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nhưng Trần Văn T6 khai nhận không quen biết ai tên là Đường Văn B, nên không có căn cứ để điều tra tiếp. Tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần H3 (M) số 03201010677478 là Nông Văn K1 sinh ngày 10/12/1990; trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C đã ủy thác điều tra cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H để xác minh, triệu tập lấy lời khai Nông Văn K1, nhưng hiện nay K1 không có mặt tại địa phương. Tài khoản ngân hàng T9 số 00002829668 tên LO VAN PHU, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C có yêu cầu ngân hàng Thương mại cổ phần T10 cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan tài khoản ngân hàng trên nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời.

Đối với chiếc xe máy bị cáo dùng để chở người nhập cảnh trái phép, quá trình điều tra xác định xe máy Honda Wave RSX, màu sơn xám, trắng, đen, gắn biển số 22S1-063.72, số khung: RLHJC5224CY014190, số máy JC52E5033098 Nguyễn Phạm T sử dụng là của Nguyễn Văn V (sinh năm 1985, nơi thường trú:

Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, là em ruột T), V không biết T sử dụng chiếc xe máy này để thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 06 tháng 12 năm 2023, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho Nguyễn Văn V để quản lý và sử dụng là có căn cứ.

Đối với 03 công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh trái phép cơ quan chức năng đã xử lý vi phạm hành chính là đúng theo quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo là hộ nghèo, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Phạm T phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”, và tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt và Điều luật áp dụng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Phạm T 07 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”;

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Phạm T 01 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội bị cáo phải chấp hành là **08** (T7) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/8/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “01 (một) điện thoại di động OPPO A74 của Nguyễn Phạm T, kèm 01 sim điện thoại”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

+ Tịch thu số tiền Ngân hàng N2 1.000.000đ (một triệu đồng) thu giữ của Nguyễn Phạm T. Số tiền trên đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục THADS tỉnh C mở tại K2 chi nhánh tỉnh C theo giấy nộp tiền ngày 12/12/2023.

(Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 61 ngày 27 tháng 02 năm 2024).

- + Tịch thu số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) do bị cáo phạm tội mà có để nộp Ngân sách Nhà nước (xác nhận vợ bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên lai thu tiền số 0000148 ngày 12/3/2024).
- + Truy thu số tiền bị cáo do phạm tội mà có là 20.740.000đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) để nộp vào Ngân sách nhà nước.

4. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Phạm T là gia đình hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- PC10;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Người TGTT;
- Phòng KTNV&THA;
- HCTP, Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đ

